ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRƯỜNG MẦM NON PHÚ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/KHCL-MNPB

Quận 11, *ngày 3 tháng 9 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Phát triển nhà trường 5 năm giai đoạn 2020-2025

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020;

Căn cứ tổng điều tra độ tuổi và nhu cầu trẻ trong độ tuổi mầm non đến trường trên địa bàn phường 5;

Trường Mầm non Phú Bình xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 như sau:

Phần I
PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG:

Trường Mầm non Phú Bình thành lập từ năm 2000 theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 11/10/200 của Ủy ban Nhân dân quận 11 về cho phép thành lập trường MN Phú Bình; và Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân quận 11 về việc đổi tên Trường Mầm non tư thục Phú Bình thành Trường Mầm non Phú Bình.

Trường có diện tích khuôn viên là 2042m^2 với 8 phòng học; có các phòng chức năng riêng và hệ thống trang thiết bị cần thiết đáp ứng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Năm học 2020 - 2021, trường có 25 người, trong đó có 03 cán bộ quản lý; 13 giáo viên và 8 nhân viên. Tổng số học sinh là 265, trong đó có 35 trẻ 25 - 36 tháng, 75 trẻ 3 - 4 tuổi, 80 trẻ 4 - 5 tuổi, 75 trẻ 5 - 6 tuổi.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 11, nhiều năm qua nhà trường

đạt một số kết quả nhất định và được sự tín nhiệm, hỗ trợ tích cực của Cha mẹ học sinh trong các hoạt động của nhà trường.

Mục tiêu của nhà trường là phục vụ trong vui tươi, nhiệt tâm trong giảng dạy nhằm phát triển con người toàn diện.

Sứ mạng của nhà trường là giáo dục trẻ ngoan, hồn nhiên, lễ phép, tự tin, năng động, sáng tạo, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực trong các hoạt động, biết yêu gia đình, bạn bè và biết chăm sóc bảo vệ môi trường.

II. THỰC TRẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2020 – 2021:

1. Quy mô trường lớp:

Năm học 2020-2021 số nhóm lớp là 7, số trẻ cụ thể:

Stt	Nhóm, lớp	Tổng số nhóm, lớp	Tổng số trẻ	Ghi chú
1	24-36 tháng	01	35	
2	3-4 Tuổi	02	75	
3	4-5 Tuổi	02	80	
4	5-6 Tuổi	02	75	
Tổng		**7**	**265**	

***Ưu điểm:**

Năm học 2020 - 2021 nhà trường: 7 nhóm, lớp với tổng số trẻ 265 trẻ. Trong đó nhà trẻ: 35 trẻ/1 nhóm, mẫu giáo: 230 trẻ/6 lớp;

Nhà trường thực hiện: 7/7 nhóm, lớp đạt 100% với tổng số trẻ là 260/265, đạt 98% so với kế hoạch của nhà trường. Trong đó:

- Nhà trẻ:

Nhóm trẻ có 35 trẻ/1 nhóm, đạt 100% so với kế hoạch.

- Mẫu giáo:

Trẻ ra lớp được chia ra các độ tuổi:

Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 75 trẻ/2 lớp.

Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 80 trẻ/2 lớp.

Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 75 trẻ/2 lớp.

So với kế hoạch đạt 260/265 đạt 98%.

Sĩ số học sinh bình quân: Mẫu giáo 37 trẻ/lớp.

*** Tồn tại:**

Hàng năm sĩ số trẻ tăng, sĩ số trẻ bình quân trên lớp mẫu giáo là 40 học sinh/lớp cao so với kế hoạch của nhà trường.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Năm học 2020-2021 trường mầm non Phú Bình có tổng số 25 CB-GV-NV . Trong đó:

+ CBQL: 03 người Trong đó Đại học 3/3 đạt 100 %;

+ Giáo viên: 13 người trong đó:

- Đạt chuẩn: 9/13 đạt 69,23%.

- Trên chuẩn: 3/13 đạt 23,07%.

- Chưa đạt chuẩn: 1/13 đạt 7,69%.

+ Nhân viên: 8 người.

*** Ưu điểm:**

- Tập thể sư phạm nhà trường là một khối đoàn kết, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có tinh thần tự giác phấn đấu vươn lên.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên đa số trẻ, khỏe nhiệt tình, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá, tốt ; 100% giáo viên biết ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng.

- Các bậc phụ huynh ngày càng nhận thức rõ ràng hơn vai trò, trách nhiệm của mình và cùng phối hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

*** Hạn chế:**

Một số giáo viên mới ra trường nên kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ hạn chế.

3. Chất lượng chăm sóc giáo dục:

Nhà trường đã trang bị đàn cho phòng âm nhạc, 7 nhóm lớp có nhà vệ sinh khép kín, bếp ăn đảm bảo quy trình bếp ăn 01 chiều, cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng bán trú được trang bị cơ bản đủ để đáp ứng nhu cầu phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Trẻ đến trường có nề nếp thói quen tốt, sức khỏe tốt.

Không xảy ra trường hợp bị ngộ độc thức ăn.

Qua cân đo theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng kết quả đạt như sau:

***Cân nặng:**

Nhóm/lớp	**Cao hơn độ tuổi**	**Bình thường**	**Suy DD vừa**	**Suy DD nặng**
- Nhóm trẻ:	3/35	32/35	0/35	0
- Mẫu giáo:	24/230	204/230	2/230	0
Toàn trường	**27/265=10.18%**	**236/265=89,1%**	**2/265=0,75%**	**0**

***Chiều cao:**

Nhóm/lớp	**Cao hơn độ tuổi**	**Bình thường**	**Thấp còi độ 1**	**Thấp còi độ 2**
- Nhóm trẻ:	0	35/35 = 100%	0	0
- Mẫu giáo:	0	228/230 = 99,1 %	2/230	0
Toàn trường	**0**	**263/265 = 99,2%**	**0,75%**	**0**

Tỷ lệ trẻ thấp còi thấp hơn năm trước

100% trẻ 5 tuổi được học đúng chương trình giáo dục mầm non theo theo độ tuổi. Ban giám hiệu luôn quan tâm chỉ đạo sát sao, có đánh giá thường xuyên theo Thông tư 28/2016 TT/BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo hướng dẫn và Thông tư 28/2016TT – BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo hướng dẫn sửa đổi một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT.

*** Ưu điểm:**

100% các cháu được tổ chức ăn bán trú nên thuận tiện cho việc đưa đón của phụ huynh cũng như công tác quản lý trẻ của nhà trường.

Các bậc cha mẹ học sinh nhiệt tình, tham gia vào các hoạt động của trường, động viên các cháu đi học đều, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường để CSGD các cháu.

*** Hạn chế:**

Hơn một nửa số các cháu 3 tuổi lần đầu ra lớp không qua nhà trẻ nên khóc nhiều, chưa có nề nếp, thói quen học tập.

4. Cơ sở vật chất:

Thực trạng cơ sở vật chất năm học 2020-2021:

STT	Hạng mục - thiết bị	ĐV tính	Hiện có
I. Xây dựng cơ bản			
1	Diện tích đất	m^2	2,042
2	Tổng diện tích xây dựng	m^2	712
3	Diện tích bình quân /trẻ	m^2	7,4
4	Phòng học kiên cố có nhà vệ sinh nối liền lớp	Phòng	7
5	Diện tích sân vườn	m^2	2.98
6	Các phòng chức năng	Phòng	02
STT	**Hạng mục - thiết bị**	**ĐV tính**	**Hiện có**
7	Nhà bếp	m^2	77,4
8	Thang máy	Thang	01
9	Sân chơi có ĐCNT	Sân	1
II. Thiết bị dạy học tối thiểu			
1	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ	1
2	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ	1
3	Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	Bộ	1
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	Chiếc	15
5	Bộ đồ chơi phát triển vận động	Bộ	2
6	Xe đạp vận động	Chiếc	7
	Dụng cụ tập gym	Chiếc	1
Thiết bị dùng chung			
1	Máy tính	Bộ	13
2	Máy chiếu	Chiếc	8
3	Thiết bị âm thanh (âm li, loa đài)	Bộ	02

4	Máy in	Chiếc	01
5	Máy photo	Chiếc	02
IV. Đồ dùng bán trú			
1	Tủ hấp cơm	Bộ	01
2	Tủ úp bát, xoong, nồi	Bộ	01
3	Tủ hấp khăn	Chiếc	01
4	Xe đẩy thức ăn	Chiếc	2
5	Máy xay thịt	Chiếc	01
6	Tủ lạnh	Chiếc	02
7	Tủ lưu	Chiếc	01

Trường có diện tích đất sử dụng tương đối đảm bảo theo yêu cầu chuẩn quy định, các công trình xây dựng kiên cố. Có các phòng chức năng cho trẻ hoạt động tương đối theo đúng quy định. Sân chơi được lát gạch, tráng bê tông bằng phẳng và khu vực chơi trải thảm cỏ nhân tạo an toàn cho trẻ khi hoạt động, có nhiều đồ chơi ngoài trời, đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ mầm non, Sân trường có nhiều loại cây cho bóng mát như cây sao, cầy dầu, các loại cây ăn trái như: cây Khế, cây Sa-kê, các loại cây hoa cho bóng mát như: cây Hoa Mai, hoa xứ, ngoài ra còn có các loại hoa xung quanh sân trường tạo cảnh quan môi trường cho trẻ quan sát, khám phá, học tập và chăm sóc cây. Mỗi năm trường đều lên kế hoạch trang bị bổ sung các loại đồ chơi ngoài trời.

Diện tích các phòng cho trẻ sinh hoạt và học tập đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo quy định.

Nhà trường có 01 bếp ăn, được xây dựng theo bếp ăn 01 chiều, bếp ăn đảm bảo tương đối theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có trang bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ nuôi ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

*** Hạn chế:**

Đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT còn hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nên đến nay lớp học tương đối đầy đủ đồ dùng đồ chơi, bếp ăn đảm bảo theo quy định bếp 1 chiều, diện tích đất đảm bảo theo quy định.

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã qua các lớp chuyên môn nghiệp vụ, tận tâm, nhiệt thành trong công việc.

Đội ngũ giáo viên tương đối ổn định về số lượng, đạt chuẩn và trên chuẩn, yêu nghề mến trẻ, có trách nhiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Phối kết hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tất cả các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

Trường có 7 phòng sinh hoạt chung kết hợp dùng làm phòng ngủ, ăn, vui chơi, học tập, sinh hoạt cho trẻ và đảm bảo diện tích cho một trẻ, sạch sẽ, thoáng mát. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, chắc chắn thiết kế phù hợp theo Điều lệ trường mầm non, có các phòng chức năng cho trẻ hoạt động đúng quy định**.**

Diện tích các phòng cho trẻ sinh hoạt và học tập đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế:

Các trang thiết bị tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu nhiều.

Công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường còn hạn chế, chưa huy động được nhiều sự đầu tư đặc biệt của các cơ quan, và Cha mẹ học sinh về tài lực và vật chất để tu sửa trường lớp, khen thưởng động viên học sinh và giáo viên.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

Công tác tham mưu với các cấp chính quyền và phụ huynh chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Vì vậy hiệu quả công tác phối hợp để cùng chăm sóc giáo dục trẻ và công tác xã hội hóa giáo dục chưa cao.

Một số giáo viên mới ra trường nên kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ hạn chế.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

- Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Quận, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa,

xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đồng thời đáp ứng, phù hợp định hướng phát triển khu đô thị sáng tạo tương tác của phái Nam Thành phố.

- Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non.

- Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp một; tăng tỷ lệ huy động đối với trẻ dưới 5 tuổi, nhất là trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ.

- Nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cán bộ quản lý giáo dục và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn 2020-2022:

2.1.1. Về quy mô, mạng lưới trường lớp giai đoạn 2020- 2022:

Phấn đấu đến năm 2022, có ít nhất 97% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, 98% trẻ mẫu giáo, trong đó huy động trên 99,5% trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đến trường.

Stt	Nhóm, lớp	Giai đoạn 2020- 2022			
		2020- 2021		2021-2022	
		TS nhóm, lớp	TST	TS nhóm, lớp	TST
1	24-36 tháng	1	35	1	30
2	3-4 Tuổi	2	75	2	65
3	4-5 Tuổi	2	80	2	70
4	5-6 Tuổi	2	75	2	75
Tổng		**7**	**265**	**7**	**240**

2.1.2. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:

Tiếp tục duy trì, giữ vững 100% nhóm, lớp được học 2 buổi/ ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm mức dưới 1%, tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì được khống chế.

Nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2019 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo kèm theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ giáo dục đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi, phù hợp với văn hoá dân tộc. Chú trọng đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm

giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường một cách linh hoạt, sáng tạo, đảm bảo chất lượng.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ của trường. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ tại trường, thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành, nâng cao chất lượng bữa ăn. Trẻ đến trường được ăn đúng thực đơn, đủ lượng, đúng thời gian quy định.Thực đơn được thay đổi theo mùa và theo tuần, thực đơn đảm bảo cân bằng các chất, thực phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phù hợp với sở thích của trẻ. Tính khẩu phần ăn để cân đối lượng thực phẩm hàng ngày cho trẻ đảm bảo tỷ lệ giữa các chất giúp trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi và hạn chế tốc độ tăng cân đối với trẻ dư cân, béo phì. Xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và hạn chế tốc độ tăng cân đối với trẻ dư cân, béo phì, đảm bảo sức khoẻ cho trẻ béo phì.

Các nhóm lớp thường xuyên vệ sinh trong, ngoài lớp sạch sẽ, đồ dùng đồ chơi được vệ sinh thường xuyên, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ; vệ sinh đồ dùng cá nhân của trẻ như: khăn mặt, cốc uống nước hàng ngày.

2.1.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực trạng Năm học 2020-2021	Mục tiêu đến năm học 2021-2025
1	Tổng số CB, GV, NV	Người	25	26
	Trong đó: - Cán bộ quản lý	Người	3	3
	+ Hiệu trưởng	Người	1	1
	+ Phó hiệu trưởng	Người	2	2
	- Giáo viên	Người	13	15
	- Nhân viên	Người	8	8
2	Số lượng CB, GV, NV có trình độ trung cấp, sơ cấp	Người	5	5
	Trong đó: CBQL	Người	0	0

STT	Nội dung	ĐVT	Thực trạng Năm học 2020-2021	Mục tiêu đến năm học 2021-2025
3	Giáo viên	Người	1	1
	Nhân viên	Người	4	4
	Số lượng CB,GV,NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên	Người	20/25	21/26
	Trong đó: CBQL	Người	3	3
	Giáo viên	Người	13	15
	Nhân viên	Người	8	8
4	Số lượng CBGVNV có trình độ trên chuẩn	Người	7/25	8/26
	Trong đó: CBQL	Người	3	3
	Giáo viên	Người	4	4
	Nhân viên	Người	0	1

2.1.4. Về cơ sở vật chất trường lớp:

- Đảm bảo 100% nhóm lớp được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. 100% các phòng ban, lớp học kết nối mạng internet.

Stt	Hạng mục - thiết bị	ĐV tính	Hiện có	Nhu cầu mua sắm đến năm 2022			
				Năm học 2020 - 2021		Năm 2021 - 2022	
				Số lượng	*Thành tiền (Triệu đồng)*	*Số lượng*	*Thành tiền (Triệu đồng)*
I. Xây dựng cơ bản							

1	Diện tích đất	m^2	2,042 m^2	2,042 m^2	0	2,042 m^2	0
2	Diện tích bình quân /trẻ	m^2	10.3	10.3		10.3	
3	Phòng học kiên cố	Phòng	7	7	35	7	15
4	Phòng GD thể chất	Phòng	60 m^2	60 m^2	0	60 m^2	0
5	Phòng GDÂN	Phòng	26 m^2	26 m^2	0	26 m^2	0
6	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	0	0	0	10 m^2	2
7	Văn phòng	Phòng	48 m^2	48 m^2	3	38 m^2	5
8	Nhà bếp	77,4 m^2	77,4 m^2	77,4 m^2	5	77,4 m^2	0
9	Nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Nhà	80 m^2	80m^2	16	80m^2	0
10	Phòng Y tế		00	00	00	10	5
Tổng					**58**		**27**
Đồ chơi ngoài trời							
1	Số lượng đồ chơi ngoài trời	Chiếc	18	20	90	20	45
2	Số bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	8	10	70	8	37
3	Vườn cây của bé	Vườn	1	1	1	0	1
4	Vườn rau của bé	Vườn	0	0	0	0	0
5	Bộ đồ chơi phát triển vận động	Bộ	5	7	35	0	0
6	Khu chơi cát		1	1	0	1	1

Tổng					**196**		**82**
III. Đồ dùng văn phòng							
1	Bàn ghế làm việc phòng HT, PHT	Bộ	4	4	0	4	0
2	Tủ đựng hồ sơ	Chiếc	3	4	5	4	5
3	Bàn văn phòng	Bộ	1	1	0	1	1.7
4	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	1	0	1	0
5	Trang thiết bị phòng âm nhạc	Bộ	3	15	4	0	4
6	Trang thiết bị phòng GDTC	Bộ	7	9	5	1	20
7	Trang thiết bị phòng y tế	Bộ	2	4	6	0	2
8	Trang thiết bị phòng bảo vệ	Bộ	0	0	0	0	0
Tổng					**21**		**32.7**
IV. Thiết bị dùng chung							
1	Máy tính	Bộ	9	11	24	11	0
2	Máy chiếu + bảng từ	Chiếc	0	0	0	0	0
3	Thiết bị âm thanh (âm li, loa đài)	Bộ	2	2	9	2	0
4	Đàn Ocgan	Chiếc	2	3	4	3	0
5	Máy lạnh	Chiếc	1	1	0	1	0
Tổng					**37**		**0**
IV. Đồ dùng bán trú							
1	Tủ hấp cơm	Bộ	0	0	0	0	0
2	Tủ úp bát, xoong, nồi	Bộ	1	1	0	0	0

3	Tủ hấp khăn	Chiếc	1	1	0	1	0
4	Xe đẩy thức ăn	Chiếc	2	2	7	4	0
5	Máy xay thịt	Chiếc	1	1	0	1	0
6	Tủ lạnh	Chiếc	1	1	8	2	0
7	Tủ lưu	Chiếc	1	1	0	1	0
Tổng					**15**		**0**

Stt	Danh mục	Kinh phí (triệu đồng)	
		Năm học 2020 -2021	Năm học 2021 - 2022
1	Xây dựng cơ bản	59	15
2	Thiết bị dạy học tối thiểu	196	82
3	Đồ dùng văn phòng	21	1
4	Thiết bị dùng chung	37	0
5	Đồ dùng bán trú	0	0
Tổng		**313**	**97**

Tổng kinh phí cho cả giai đoạn: 410.000.000đ (Bốn trăm mươi triệu đồng).

- Huy động từ công tác xã hội hóa: 410.000.000đ.

2.1.5. Về kiểm định chất lượng giáo dục:

Chủ động thực hiện tốt công tác tự đánh giá năm học 2020-2021 và phấn đấu đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hiệu quả.

2.1.6. Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ, tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, cụ thể: huy động trên 99,5 % trẻ 5 tuổi học lớp mẫu giáo trên địa bàn phường ra lớp, tỷ lệ hoàn thành chương trình mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt 100%.

2.2. Giai đoạn 2022-2025:

2.2.1. Về quy mô mạng lưới trường lớp

Đến hết năm 2025, có ít nhất 95% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 97% trở lên trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường, huy động trên 99,5% trẻ 5 tuổi ra lớp

Stt	Nhóm, lớp	Giai đoạn 2022- 2025							
		2022- 2023		2023- 2024		2024- 2025		2025- 2026	
		TS nhóm, lớp	TST	TS nhóm, lớp	TST	TS nhóm, lớp	TST	TS nhóm, lớp	TST
1	24-36 tháng	1	35	1	35	2	40	2	50
2	3-4 Tuổi	2	80	2	77	2	82	2	75
3	4-5 Tuổi	2	78	2	80	2	80	2	85
4	5-6 Tuổi	2	82	2	81	2	87	2	85
Tổng		**7**	**275**	**7**	**273**	**8**	**289**	**8**	**295**

2.2.2. Về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ:

100% nhóm, lớp được thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non, học 2 buổi/ ngày; duy trì tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi mức thấp nhất, tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì được khống chế.

STT	Nội dung	Quy mô đến năm 2026			
		2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Tỷ lệ chuyên cần	93,3%	94%	94%	94%
2	Tỷ lệ bé ngoan	80%	81%	81%	81%
3	Tỷ lệ bé khỏe	20%	19%	19%	19%
4	Trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần	100%	100%	100%	100%

5	Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường	100%	100%	100%	100%
6	Trẻ bình thường về cân nặng	95%	95,5%	96%	96%
7	Trẻ bình thường về chiều cao	95%	95,5%	96%	96%
8	Kết quả khảo sát từ khá trở lên	100%	100%	100%	100%
9	Trẻ 5T hoàn thành chương trình	100%	100%	100%	100%
10	GV dạy giỏi cấp trường	42%	42%	42%	42%
11	Tỷ lệ CBGV đạt LĐTT	90%	90%	95%	95%

2.2.3. Về đội ngũ giáo viên:

Phấn đấu đến hết năm 2025, có đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 100% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng trở lên.

STT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2026			
			Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số CB, GV, NV	Người	25	25	26	27
	Trong đó: - Cán bộ quản lý	Người	3	3	3	3
	+ Hiệu trưởng	Người	1	1	1	1
	+ Phó hiệu trưởng	Người	2	2	2	2
	- Giáo viên	Người	14	14	15	16

	- Nhân viên	Người	8	8	8	8
2	Số lượng CB,GV,NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên	Người	24	24	25	27
	Trong đó: CBQL	Người	3	3	3	3
	Giáo viên	Người	13	13	13	16
	Nhân viên	Người	8	8	8	8
3	Số lượng CBGVNV có trình độ trên chuẩn.	Người	8/25	8/25	8/26	10/27
	Trong đó: CBQL	Người	3	3	3	3
	Giáo viên	Người	4	4	4	6
	Nhân viên	Người	1	1	1	1

2.2.4. Về cơ sở vật chất trường, lớp:

Phấn đấu đến hết năm 2025, tiếp tục trang bị những đồ dùng cần thiết cho các hoạt động ở sân trường và lớp học.

Stt	**Hạng mục - thiết bị**	**ĐV tính**	**Hiện có**	**Nhu cầu mua sắm đến năm 2026**			
				Năm học 2022 - 2024		**Năm 2024 - 2026**	
				Số lượng	*Thành tiền (Triệu đồng)*	*Số lượng*	*Thành tiền (Triệu đồng)*
I. Xây dựng cơ bản							
1	Diện tích đất	m^2	2,042 m^2	2,042 m^2	0	2,042 m^2	0
2	Diện tích bình quân /trẻ	m^2	10.3	10.3		10.3	

3	Phòng học kiên cố	Phòng	7	7	0	8	250
4	Phòng GD thể chất	Phòng	60 m^2	60 m^2	0	60 m^2	0
5	Phòng GDAN	Phòng	26 m^2	26 m^2	0	26 m^2	3
6	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	10 m^2	10 m^2	0	10 m^2	5
7	Văn phòng	Phòng	48 m^2	48 m^2	0	48 m^2	12
8	Nhà bếp	m^2	77,4 m^2	77,4 m^2	2	77,4 m^2	10
9	Nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Nhà	80 m^2	80m^2	0	80m^2	200
10							
Tổng					2		**480**
II.Đồ chơi ngoài trời							
1	Số lượng đồ chơi ngoài trời	Chiếc	19	20	0	2	45
2	Số bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	9	10	0	1	10
3	Vườn cây của bé	Vườn	1	1	1	1	0
4	Vườn rau của bé	Vườn	0	0	0	0	0
5	Bộ đồ chơi phát triển vận động	Bộ	6	7	3	1	4
6	Khu chơi cát		1	1	0	0	0
Tổng					**4**		**59**
III. Đồ dùng văn phòng							
1	Bàn ghế làm việc phòng HT, PHT	Bộ	4	4	0	4	0

2	Tủ đựng hồ sơ	Chiếc	3	4	2	4	5
3	Bàn văn phòng	Bộ	1	1	0	0	0
4	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	1	0	1	0
5	Trang thiết bị phòng âm nhạc	Bộ	13	15	0	1	1
6	Trang thiết bị phòng GDTC	Bộ	7	9	0	1	1
7	Trang thiết bị phòng y tế	Bộ	3	4	1	0	2
8	Trang thiết bị phòng bảo vệ	Bộ	0	0	0	0	0
Tổng					3		9
IV. Thiết bị dùng chung							
1	Máy tính	Bộ	12	13	2	13	0
2	Máy chiếu + bảng từ	Chiếc	0	7	23	1	17
3	Thiết bị âm thanh (âm li, loa đài)	Bộ	2	2	0	2	0
4	Đàn Ocgan	Chiếc	3	3	0	3	0
5	Máy lạnh	Chiếc	1	1	0	1	0
Tổng					25		17
IV. Đồ dùng bán trú							
1	Tủ hấp cơm	Bộ	0	0	0	0	0
2	Tủ úp bát, xoong, nồi	Bộ	1	1	0	1	0
3	Tủ hấp khăn	Chiếc	1	1	0	1	20
4	Xe đẩy thức ăn	Chiếc	2	2	0	4	20
5	Máy xay thịt	Chiếc	1	1	0	1	0
6	Tủ lạnh	Chiếc	2	2	0	2	0

7	Tủ lưu	Chiếc	1	1	0	1	0
Tổng					**0**		**40**

Stt	Danh mục	Kinh phí (triệu đồng)	
		Năm học 2022 -2023	**Năm học 2024 - 2025**
1	Xây dựng cơ bản	2	480
2	Thiết bị dạy học tối thiểu + đồ chơi ngoài trời	4	59
3	Đồ dùng văn phòng	3	9
4	Thiết bị dùng chung	25	17
5	Đồ dùng bán trú	0	40
Tổng		**34**	**605**

Tổng kinh phí cho cả giai đoạn: 639.000.000đ (sáu trăm ba mươi chín triệu đồng).

Tất cả Huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục.

2.2.5. Về công tác kiểm định chất lượng giáo dục:

Chủ động thực hiện tốt hồ sơ sổ sách dự kiến đến năm học 2024-2025 thực hiện công tác tự đánh giá và phấn đấu đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hiệu quả.

2.2.6. Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi:

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ, tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, cụ thể: huy động trên 99,5 % trẻ 5 tuổi học lớp mẫu giáo trên địa bàn phường ra lớp, tỷ lệ hoàn thành chương trình mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt 100%.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non:

Thực hiện việc rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp triển giáo dục mầm non.

2. Thực hiện nguồn lực tài chính, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất:

Bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mầm non nhằm bảo đảm các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương giáo dục mầm non.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non:

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức và giảm tải cho giáo viên.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và trong công việc chăm sóc giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

4. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non:

- Thực hiện các giải pháp để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non; phát triển các điều kiện hoạt động của nhà trường theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường, đổi mới nội dung phương pháp, hình thức giáo dục mầm non.

- Tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật, đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

5. Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non:

Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động.

Tuyên truyền đến tường phụ huynh chương trình sữa học đường, tổ chức cho trẻ uống sữa học đường giúp trẻ nâng cao tầm vóc.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non:

Huy động các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể, mạnh thường quân tham gia phát triển giáo dục mầm non.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

- Phụ huynh đóng từ quỹ cơ sở vật chất đầu năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Lãnh đạo nhà trường:

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn đối với từng khối lớp

- Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Thành phố, Sở giáo dục và đào tạo, địa phương để kịp thời triển khai, hướng dẫn các bộ phận trong trường thực hiện.

Phổ biến Kế hoạch phát triển giáo dục trường giai đoạn 2020 – 2025 rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan cấp trên, Đảng, Chính

quyền địa phương, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chuyên môn:

- Giám sát trong tổ chuyên môn về thực hiện kế hoạch giảng dạy, bám sát chương trình phù hợp với điều kiện thực tế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện hiệu quả, đảm bảo chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn.

3. Tổ văn phòng và cấp dưỡng:

- Tuyên truyền, nhắc nhở các thành viên thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, đảm bảo đầy đủ các điều kiện an toàn khi tiếp xúc với cha mẹ học sinh hay khách đến liên hệ công tác.

- Phối hợp với các thành viên trong việc quản lý, giám sát học sinh đo thân nhiệt, rửa tay, đeo khẩu trang, giãn cách, hạn chế tiếp xúc trước giờ học, giờ chơi và giờ tan trường.

- Thường xuyên kiểm tra các khu vực vệ sinh, bổ sung xà phòng, kiểm tra hệ thống nước và hỗ trợ điều động học sinh lúc đầu giờ và khi tan trường.

- Đảm bảo thực hiện bếp ăn 1 chiều, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho đội ngũ và học sinh.

V. XÂY DỰNG LỘ TRÌNH:

1. Giai đoạn 2020-2023:

Triển khai kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, viên chức. Báo cáo lên cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra trong năm học.

Hoàn thành cơ bản xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ, tiếp tục tham mưu đầu tư bổ sung trang thiết bị các phòng chức năng.

Tổ chức vận động 100% phụ huynh cho học sinh ăn bán trú theo tinh thần cha mẹ học sinh tự nguyện đăng ký.

Trang bị, bổ sung đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT.

Cải tạo khu vui chơi ngoài trời cho trẻ, bổ sung đồ chơi ngoài trời cho trẻ nhà trẻ chưa phong phú.

Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn chăm sóc giáo dục trẻ cho giáo viên mới ra trường.

2. Năm học: 2024-2025:

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra trong năm học, đầu tư bổ sung trang thiết bị các phòng chức năng, văn phòng, phòng Hiệu trưởng, khu vực chơi vận động, nhà vệ sinh các lớp, ngăn thêm lớp nhà trẻ.

Tổ chức vận động 100% phụ huynh cho học sinh ăn bán trú theo tinh thần cha mẹ học sinh tự nguyện đăng ký.

Trang bị, bổ sung đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT.

Cải tạo khu vui chơi ngoài trời cho trẻ, bổ sung đồ chơi ngoài trời cho trẻ nhà trẻ chưa phong phú.

Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn chăm sóc giáo dục trẻ cho giáo viên mới ra trường.

Hoàn thành các tiêu chí của Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

3. Năm học: 2025-2026:

Xây dựng kế hoạch cải tiến, kế hoạch cơ sở vật chất mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu theo Văn bản Hợp nhất số 01/VBHN và Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại. Đảm bảo chất lượng sau Kiểm định, củng cố và duy trì cơ sở vất chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế của trường, lớp.

Thường xuyên cập nhật thông tin website của trường, trên website có menu "kiểm định chất lượng giáo dục", có nội dung công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo Công văn số 106/GDĐT-KTKĐCLGD ngày 10/01/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chi tiết cách thiết kế trang Kiểm định chất lượng giáo dục trên website của Trường.

3. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân:

3.1. Hiệu trưởng:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

- Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

- Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; quyết định khen thưởng, phê duyệt kết quả đánh giá trẻ theo các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

- Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phổ biến các Chủ trương, chính sách, văn bản của ngành cấp trên kịp thời đến tập thể sư phạm nhà trường.

3.2. Phó hiệu trưởng chuyên môn:

Giúp Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, công tác phổ cập giáo dục, báo cáo thống kê, CNTT, các cuộc thi do các cấp tổ chức. Thực hiện hồ sơ, sổ sách đầy đủ theo quy định. Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

3.3. Phó hiệu trưởng bán trú:

Giúp Hiệu trưởng phụ trách quản lý công tác bán trú, theo dõi tài sản, cơ sở vật chất trong trường; Y tế học đường, ATGT,Thực hiện hồ sơ, sổ sách đầy đủ theo quy định. PHT CSND tính phần mềm dinh dưỡng viettec cân đối đủ chất và lượng. Theo dõi, kiểm tra tiếp phẩm hàng ngày. Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

3.4. Tổ trưởng chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ.

- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên.

- Chủ trì sinh hoạt Tổ chuyên môn. Đề xuất xếp loại BGH, giáo viên, tổ viên hàng năm. Tập hợp các ý kiến tổ viên góp ý xây dựng hoạt động nhà trường. Quản lý tổ chuyên môn hoàn thành trách nhiệm của tổ.

- Chấp hành và thực hiện tốt các hoạt động dân chủ tổ mình phụ trách.

3.5. Giáo viên:

- Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục; đánh giá và quản lý trẻ em tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em**.**

- Tham gia các hoạt động của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật, các quy định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự

kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục của nhóm lớp; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, thương yêu, tôn trọng trẻ, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền của nhà giáo theo qui định của Luật giáo dục và Điều lệ trường mầm non.

- Tham gia ý kiến xây dựng nhà trường như: Kế hoạch phát triển nhà trường – Xây dựng cơ sở vật chất – Cảnh quan nhà trường – Các biện pháp thi đua – Các nội qui, qui chế – báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường.

3.6.Kế toán :

- Quản lý hồ sơ kế toán nhà trường, quản lý trang Web

Tham mưu xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp. Lập kế hoạch tu sửa, mua sắm tài sản của trường.

- Tham mưu với hiệu trưởng các nhu cầu mua sắm CSVC, trang thiết bị và dùng kinh phí đúng nguồn theo quy định.

3.7. Y tế:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trường học theo tuần, tháng, năm. Thực hiện hồ sơ sổ sách về y tế trường học theo quy định. Tổ chức tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh.

- Tham gia kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập huấn về công tác y tế học đường…

- Theo dõi sức khỏe trẻ, có kế hoạch tuyên truyền công tác vệ sinh, phòng chống các bệnh, tai nạn thương tích thường gặp trong công tác CSGD trẻ.

- Tham mưu Hiệu trưởng công tác khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 1lần/năm. Theo dõi mua và cấp phát thuốc và các loại bông băng cho các lớp xử lý tai nạn theo quy định trong trường mầm non.

3.8. Văn thư + Thủ quỹ:

Thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

Hàng ngày, tuần, tháng thu, chi tiền ăn theo quy định, nội quy của trường, cấp trên. Quyết toán thu, chi hàng tháng, sổ sách cập nhật kịp thời, lưu trữ đầy đủ khoa học. Quản lý tốt các loại quỹ của nhà trường.

- Thực hiện nhiệm vụ Văn thư-Lưu trữ của trường; tổng hợp công văn đi, đến trình lãnh đạo duyệt và chuyển đến các bộ phận chức năng thực hiện.

- Lưu trữ công văn đi, đến, đánh máy văn bản, trực điện thoại của cơ quan.

- Quản lý con dấu nhà trường; dấu Công đoàn và sử dụng các loại dấu đúng theo quy định của pháp luật. Đóng dấu các văn bản và các hồ sơ theo quy định.

- Hoàn thành các báo cáo, biểu mẫu khi BGH giao. Quản lý hồ sơ các cháu và bàn giao đúng thời gian. Thực hiện hồ sơ, sổ sách theo quy định.

3.9.Cấp dưỡng:

Thực hiện đúng thực đơn, chế biến thực phẩm đảm bảo đủ số lượng, chất lượng. Thực hiện đúng quy trình bếp một chiều, đảm bảo VSATTP không có dịch bệnh lây lan trong trường. Thực hiện vệ sinh nhà bếp theo lịch phân công.

3.10. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:

Hằng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

4. Giám sát và đánh giá kết quả:

Thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát, đánh giá từng học kỳ thường xuyên hằng năm và tự rút ra những gì làm được, chưa làm được, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp, phương hướng khắc phục. Sau kết thúc mỗi giai đoạn cần rút ra bài học kinh nghiệm và có hướng điều chỉnh bổ sung thực hiện cho hoàn thiện giai đoạn trước.

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

VI. KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ theo mục tiêu đã đề ra.

Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục; Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

2. Đối với chính quyền địa phương:

Quan tâm chỉ đạo công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương để giúp cho toàn xã hội xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất, phụ huynh học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển trường mầm non Phú Bình giai đoạn 2020-2025 đã được thông qua Hội đồng quản trị và tập thể Hội đồng sư phạm nhà trường. Các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, thực hiện kế hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc có ý kiến đề nghị để nhà trường điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT;
- BGH
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thu Uyên

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 11

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....